

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Hoa Viễn
2. Ông Lý Văn Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Ma Công Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn ĐH, xã NH, huyện CH, tỉnh TQ (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nông Minh N, sinh năm 1983; Nơi đăng ký HKTT: Thôn ĐH, xã NH, huyện CH, tỉnh TQ; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam QT, Tổng Cục VIII - Bộ Công An, địa chỉ: Xã TA, huyện SD, tỉnh TQ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2019, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Minh N được tự do tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục vào năm 2013. Đến ngày 18/4/2014 thì chị và anh N mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng chị về làm ăn sinh sống cùng gia đình chồng tại thôn ĐH, xã NH, huyện CH, tỉnh TQ. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh N thường đánh đuổi chị, sự việc đã xảy ra nhiều lần. Mẹ anh N không những không ngăn cản mà có lần còn đuổi chị đi. Do không chịu được nên khoảng tháng 4 năm 2016 chị đã bỏ về nhà ngoại sống một thời gian. Tuy nhiên, do thương con nên chị đã quay về với mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng không thể khắc phục được. Nguyên nhân là do anh N nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, bỏ bê gia đình, vợ con, đến tháng 12 năm 2016 thì anh N vi phạm pháp luật hình sự và đã bị xét xử, phải đi cải tạo tại Trại giam. Thời gian anh N cải tạo chị có đi thăm nhưng lần nào anh N cũng mắng chửi, xúc phạm chị. Chị cũng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc tiên bộ đã không đạt được. Do vậy, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nông Minh N.

Về con chung: Chị H xác định quá trình chung sống chị và anh N có sinh được 02 con chung, cháu lớn tên là Nông Thị Y N, sinh ngày 01/3/2013, cháu nhỏ tên là Nông Q D, sinh ngày 16/4/2015. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị. Chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết; Về công nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Nông Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến ngày 18/4/2014 thì anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã NH, huyện CH, tỉnh TQ. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, anh chị về làm ăn sinh sống tại thôn ĐH, xã NH, huyện CH, tỉnh TQ. Cuộc sống chung của vợ chồng bình thường cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Huyền có sinh được 02 con chung, cháu lớn tên là Nông Thị YN, sinh ngày 01/3/2013, cháu nhỏ tên là Nông Q D, sinh ngày 16/4/2015. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị H. Quan điểm của anh là đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143,

144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Nguyễn Thị H: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nông Minh N.

- Giao cháu Nông Thị YN, sinh ngày 01/3/2013 và cháu Nông Q D, sinh ngày 16/4/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, đất đai chung chị H và anh N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, không có nợ chung, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nông Minh N, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; Anh Nông Minh N có hộ khẩu thường trú tại Thôn ĐH, xã NH, huyện CH, tỉnh TQ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Chiêm Hóa đã thông báo thụ lý vụ án; thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng; tiến hành các phiên họp, xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật; quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nông Minh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Minh N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2014 tại UBND xã NH, huyện CH, tỉnh TQ nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H thì mâu thuẫn phát sinh từ năm 2016 do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N thường xuyên đánh chửi và xúc phạm chị; ngoài ra còn do anh N là người nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, có hành vi vi phạm pháp luật hình sự và đã bị xét xử, phải đi cải tạo tại Trại giam. Còn theo anh N thì mâu thuẫn vợ chồng chỉ thực sự trở nên trầm trọng vào năm 2018 khi anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước, bản thân anh cũng không còn tình cảm với chị H.

HĐXX thấy rằng, mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn và bị đơn về thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng thực tế cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh N đã không tồn tại từ năm 2016 đến nay, bản thân anh N hiện đang chấp hành án tại Đội 44, phân trại số 03, Trại giam Quyết Tiến, Tổng Cục VIII - Bộ Công An; cả hai đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là xử cho chị H được ly hôn với anh Nông Minh N.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh N sinh được 02 con chung, cháu lớn tên là Nông Thị YN, sinh ngày 01/3/2013 và cháu nhỏ tên là Nông Quốc D, sinh ngày 16/4/2015. Hiện nay cháu N, cháu D đang ở cùng với chị H. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Quốc D và giao cháu Nông Thị YN cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của cả hai đương sự đều chính đáng, tuy nhiên do anh N đã bị TAND huyện Chiêm Hóa xử phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” hiện đang chấp hành án tại Trại giam QT, Tổng Cục VIII - Bộ Công An nên anh N không có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo sự phát triển toàn diện của các con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là giao cả hai cháu Nông Thị YN, sinh ngày 01/3/2013 và cháu Nông Quốc D, sinh ngày 16/4/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, đồng thời đảm bảo đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N và cháu D. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nông Minh N tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; về công nợ chung cả hai đương sự đều xác định không có. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nông Minh N. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị YN, sinh ngày 01/3/2013 và cháu Nông Quốc D, sinh ngày 16/4/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nông Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001192, ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Chị H đã thi hành xong phần án phí. Anh Nông Minh N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nông Minh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã NH;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hoa Viên - Lý Văn Tòng

Phạm Thị Thùy Trâm

